

Phụ lục 4

DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2026-2030 NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

Danh mục dự án dự kiến khởi công mới giai đoạn 2026-2030

(Kèm theo Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 22/8/2025 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	TÊN DỰ ÁN	Đơn vị đề xuất	Nhóm dự án (Luật sửa đổi)	Địa điểm xây dựng	Dự kiến thời gian thực hiện	Khái toán tổng mức đầu tư			Nhu cầu NSDP giai đoạn 2026 - 2030	Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn 2026-2030	Ghi chú
						Tổng mức đầu tư	Trong đó				
							NSTW	NS tỉnh			
1	2	3	5	6	9	10	11	12	13	14	15
	TỔNG SỐ					21,501,598	8,555,949	12,945,649	10,874,492	5,687,020	
I	Đối ứng danh mục sử dụng vốn NSTW của tỉnh					9,800,292	7,138,649	2,661,643	1,461,643	1,337,020	Chi tiết theo PL1
a	Lĩnh vực giao thông					7,965,272	5,662,149	2,303,123	1,113,123	988,500	
1	Đầu tư cải tạo, nâng cấp các đoạn còn lại từ Km32 - Km89+513, Quốc lộ 24	Sở Xây dựng	B	Kon Plông, Ba Tơ	2026-2030	2,350,000	2,000,000	350,000	350,000	185,377	
2	Cầu và đường ĐT.623B (Quảng Ngãi - Thạch Nham), đoạn qua đập Thạch Nham	Ban QLDA ĐTXD các CTGT tỉnh	B	Xã: Trà Giang, Trường Giang, Sơn Hạ	2026-2029	350,000	300,000	50,000	50,000	50,000	
3	Đường nối từ Quốc lộ 1 (nút giao đường dẫn cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi) đến đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh	Ban QLDA ĐTXD các CTGT tỉnh	B	Xã An Phú, xã Tư Nghĩa	2028-2031	1,200,000	660,000	540,000	200,000	240,000	
4	Đường giao thông kết nối liên vùng Quốc lộ 24B, tỉnh lộ 623, đường Ngọc Hoàng - Măng Bút - Tu Mơ Rông - Ngọc Linh, tỉnh lộ 673-Đường Hồ Chí Minh - Cửa khẩu Đăk Plô, Đăk Long	Ban QLDA ĐTXD các CT GT, DD &CN	B	Các xã Sơn Tịnh, Sơn Hạ, Sơn Hà, Sơn Tây,Măng Bút, Măng Ri, Ngọc Linh, xã Xốp, Đăk Long, Đăk Pék	2028-2031	1,500,000	1,100,000	400,000	250,000	250,000	
5	Đường giao thông kết nối Quốc lộ 24 – Quốc lộ 1A - Khu du lịch sinh thái quốc gia Măng Đen - Đường Hồ Chí Minh - Quốc lộ 14C - Quốc lộ 40	Ban QLDA ĐTXD các CT GT, DD &CN	B	Các xã Sa Thầy, Rờ Koi, Sa Loong, Bờ Y	2028-2031	2,000,000	1,100,000	900,000	200,000	200,000	
6	Đường trung tâm phía Đông xã Bờ Y	UBND xã Bờ Y	B	Xã Bờ Y	2026-2029	315,272	302,149	13,123	13,123	13,123	
7	Tuyến đường từ Km7 (QL24) đi giáp đường tỉnh ĐT.627C (Phổ Ninh - Ba Trang)	BQLDA ĐTXD các công trình DD&CN tỉnh	B	xã Nguyễn Nghiêm	2026-2029	250,000	200,000	50,000	50,000	50,000	

TT	TÊN DỰ ÁN	Đơn vị đề xuất	Nhóm dự án (Luật sửa đổi)	Địa điểm xây dựng	Dự kiến thời gian thực hiện	Khái toán tổng mức đầu tư			Nhu cầu NSDP giai đoạn 2026 - 2030	Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn 2026-2030	Ghi chú
						Tổng mức đầu tư	Trong đó				
							NSTW	NS tỉnh			
b	Lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản					200,020	200,000	20.000	20.000	20.000	
8	Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá kết hợp Cảng cá Cỏ Lũy thuộc xã An Phú (giai đoạn 2)	Sở Nông nghiệp và Môi trường	B	Xã An Phú	2026 - 2030	200,020	200,000	20.000	20.000	20.000	
c	Lĩnh vực Y tế					300,000	270,000	30,000	30,000	30,000	
9	Bệnh viện Sản - Nhi tỉnh (hạng mục: mở rộng bệnh viện Sản - Nhi; nâng cấp, cải tạo một số khoa, phòng, Sửa Cải tạo hệ thống PCCC và các hạng mục phụ trợ)	BQLDA ĐTXD các công trình DD&CN tỉnh	B	Phường Nghĩa Lộ	2026-2029	300,000	270,000	30,000	30,000	30,000	
d	Hạ tầng khu công nghiệp và khu kinh tế					1,050,000	750,000	300,000	290,000	290,000	
10	Xây dựng hệ thống hạ tầng thu gom, thoát nước và xử lý nước thải tập trung khu vực phía Tây và phía Đông sông Trà Bồng Khu kinh tế Dung Quất	BQL KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi	B	Xã Bình Sơn	2026-2029	200,000	150,000	50,000	50,000	50,000	
11	Tuyến đường từ đường Tri Bình - cảng Dung Quất đến đường vào Cảng hàng không Chu Lai	BQL KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi	B	Xã Bình Sơn, xã Vạn Tường	2026-2029	350,000	240,000	110,000	110,000	110,000	
12	Nâng cấp, mở rộng hệ thống hạ tầng giao thông trên địa bàn KKT Dung Quất (giai đoạn 2)	BQL KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi	B	KKT Dung Quất	2027-2030	500,000	360,000	140,000	130,000	130,000	
e	Lĩnh vực văn hóa, Thể thao và Du lịch					100,000	90,000	10,000	10,000	10,000	-
13	Dự án Tôn tạo, phục dựng Di tích lịch sử Nhà ngục Kon Tum	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	B	Phường Kon Tum	2026-2030	100,000	90,000	10,000	10,000	10,000	
f	Lĩnh vực cấp thoát nước					185,000	166,500	18,500	18,500	18,500	
14	Hệ thống thoát nước, vỉa hè các tuyến nội thành, thành phố Kon Tum	UBND phường Kon Tum	B	Phường Kon Tum và phường Đăk Cẩm	2023-2026	185,000	166,500	18,500	18,500	18,500	
II	Bố trí cho các dự án sử dụng vốn NST					11,701,306	1,417,300	10,284,006	9,412,849	4,350,000	
a	Lĩnh vực giao thông					2,884,757	0	2,884,757	2,881,423	988,229	
1	Đầu tư cải tạo, nâng cấp các đoạn còn lại từ Km187+800 - Km204+500, Quốc lộ 40B	Sở Xây dựng	B	Kon Đào, Đăk Tô	2028-2031	850,000		850,000	850,000	190,000	

TT	TÊN DỰ ÁN	Đơn vị đề xuất	Nhóm dự án (Luật sửa đổi)	Địa điểm xây dựng	Dự kiến thời gian thực hiện	Khái toán tổng mức đầu tư			Nhu cầu NSDP giai đoạn 2026 - 2030	Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn 2026-2030	Ghi chú
						Tổng mức đầu tư	Trong đó				
							NSTW	NS tỉnh			
2	Tuyến đường Trì Bình - cảng Dung Quất (giai đoạn 2)	Ban QLDA ĐTXD các CTGT tỉnh	B	Xã Vạn Tường	2028-2031	400,000		400,000	400,000	100,000	
3	Đường nối từ Phía Nam cầu Đập Dâng đến nút giao Quốc lộ 1 và đường dẫn cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi (trục dọc D9)	Ban QLDA ĐTXD các CTGT tỉnh	B	Tư Nghĩa và thành phố Quảng Ngãi	2028-2031	1,300,000		1,300,000	1,300,000	400,229	
4	Cầu số 2 qua sông Đăk Bla (từ Phường Trường Chinh đi khu dân cư thôn Kon Jơ Ri, xã Đăk Rơ Wa, thành phố Kon Tum)	Ban QLDA ĐTXD các CT GT, DD &CN	C	Xã Đăk Rơ Wa	2026-3030	134,757		134,757	131,423	118,000	Đã hoàn thành công tác CBĐT
5	Nâng cấp, chỉnh trang tạo cảnh quan đường Tôn Đức Thắng	BQLDA ĐTXD các công trình DD&CN tỉnh	B	Phường Nghĩa lộ	2026-2029	200,000		200,000	200,000	180,000	
b	Lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản					1,975,670	-	1,975,670	1,975,670	453,000	
6	Đầu tư xây dựng Hồ chứa nước thôn 7, xã Đăk Mar	BQLDA ĐTXD các công trình NN & PTNT tỉnh	B	Tỉnh Quảng Ngãi	2029-2032	400,000		400,000	400,000	50,000	
7	Đập dâng số 01	Ban QLDA ĐTXD các CT GT, DD &CN; Sở Nông nghiệp và Môi trường	B	Phường Kon Tum	2029-2032	280,000		280,000	280,000	50,000	
8	Sửa chữa, nâng cấp đập ngăn mặn Hiền Lương	Sở Nông nghiệp và Môi trường	C	Xã An Phú, tỉnh Quảng Ngãi	2026-2027	45,000		45,000	45,000	42,000	
9	Sửa chữa, nâng cấp đập ngăn mặn Khê Hòa	Sở Nông nghiệp và Môi trường	C	Xã Đông Sơn và xã Tịnh Khê	2026-2027	20,000		20,000	20,000	18,000	
10	Sửa chữa, nâng cấp các kênh cấp 1, cấp 2 thuộc hệ thống thủy lợi Thạch Nham và kênh liên xã, liên huyện khác	- Sở Nông nghiệp và Môi trường	B	Tỉnh Quảng Ngãi	2029-2032	257,030		257,030	257,030	50,000	
11	Xây dựng hệ thống trữ, cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp, sinh hoạt đặc khu Lý Sơn	BQLDA ĐTXD các công trình NN & PTNT tỉnh	B	Đặc khu Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi	2029-2032	250,000		250,000	250,000	50,000	
12	Sửa chữa, nâng cấp mở rộng, xây dựng mới các công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung	Sở Nông nghiệp và Môi trường	B	Tỉnh Quảng Ngãi	2029-2032	500,000		500,000	500,000	50,000	

TT	TÊN DỰ ÁN	Đơn vị đề xuất	Nhóm dự án (Luật sửa đổi)	Địa điểm xây dựng	Dự kiến thời gian thực hiện	Khái toán tổng mức đầu tư			Nhu cầu NSDP giai đoạn 2026 - 2030	Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn 2026-2030	Ghi chú
						Tổng mức đầu tư	Trong đó				
							NSTW	NS tỉnh			
13	Nâng cấp, bổ sung các trang thiết bị quan trắc môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	C	Tỉnh Quảng Ngãi	2026-2028	13,640		13,640	13,640	13,000	
14	Cải tạo, nâng cấp cơ sở hạ tầng, kiên cố hóa hệ thống thủy lợi đồng muối Sa Huỳnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	C	phường Sa Huỳnh, tỉnh Quảng Ngãi	2029-2031	60,000		60,000	60,000	30,000	
15	Sửa chữa, nâng cấp 15 hồ chứa nước bảo đảm an toàn đập, an ninh nguồn nước (Hòa Hải, Phước Hoàng, Hàm Rồng, Hóc Mốc, Hóc Mít, Phước Tích, Tôn Dung, Ông Tới, Đồng Càn, Hố Tre, Suối Khoai, Bình Nam, Hóc Tùng, Đăk Trang, Đăk Lin)	Sở Nông nghiệp và Môi trường	C	Tỉnh Quảng Ngãi	2029-2031	150,000		150,000	150,000	100,000	
c	Lĩnh vực y tế					1,598,000	0	1,598,000	682,000	623,000	
16	Trung tâm điều trị và nuôi dưỡng người bệnh tâm thần Kon Tum (Hạng mục: Đầu tư xây dựng Bệnh viện Tâm thần tỉnh Kon Tum (xây mới bệnh viện 100 giường bệnh))	Sở Y tế	B	Phường Kon Tum	2026-2030	200,000		200,000	200,000	180,000	
17	Triển khai Hồ sơ bệnh án điện tử tại 04 bệnh viện trên địa bàn tỉnh Kon Tum (cũ)	Sở Y tế	B	Phường Kon Tum	2026-2030	104,000		104,000	104,000	90,000	
18	Bệnh viện Lao và Bệnh viện phổi (hạng mục: Cải tạo, nâng cấp Khu hành chính, Khoa lao ngoài phổi và Bệnh phổi nhiễm trùng, các hạng mục phụ trợ; Cải tạo hệ thống PCCC)	Sở Y tế; BQLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và công nghiệp tỉnh	C	Phường Nghĩa Lộ	2026-2028	50,000	-	50,000	45,000	45,000	
19	Bệnh viện nội tiết (Hạng mục: xây dựng khu kỹ thuật cận lâm sàng; cải tạo, nâng cấp các khoa, phòng)	Sở Y tế; BQLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và công nghiệp tỉnh	C	Phường Nghĩa Lộ	2026-2028	50,000	-	50,000	45,000	45,000	
20	Trung tâm mắt (Hạng mục: Xây dựng mới khối khám và điều trị; nâng cấp, cải tạo, các khoa, phòng, và các hạng mục phụ trợ; Xây mới hệ thống xử lý nước thải; Cải tạo toàn bộ hệ thống PCCC)	Sở Y tế; BQLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và công nghiệp tỉnh	C	Phường Nghĩa Lộ	2028-2030	70,000	-	70,000	63,000	63,000	
21	Dự án đầu tư thiết bị y tế và thiết bị văn phòng cho các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi	Sở Y tế	B	Các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh	2026-2029	1,124,000		1,124,000	225,000	200,000	
d	Lĩnh vực giáo dục và đào tạo					669,300	-	669,300	620,500	603,800	

TT	TÊN DỰ ÁN	Đơn vị đề xuất	Nhóm dự án (Luật sửa đổi)	Địa điểm xây dựng	Dự kiến thời gian thực hiện	Khái toán tổng mức đầu tư			Nhu cầu NSDP giai đoạn 2026 - 2030	Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn 2026-2030	Ghi chú
						Tổng mức đầu tư	Trong đó				
							NSTW	NS tỉnh			
22	Trường THCS THSP Lý Tự Trọng; hạng mục:Xây mới bổ sung 24 phòng học, thư viện + 04 phòng bộ môn và các hạng mục phụ trợ khác	Sở Giáo dục và Đào tạo	C	Phường Kon Tum	2026-2027	25,000	-	25,000	25,000	23,000	
23	Trường THPT Lê Lợi;hạng mục: Xây mới khu hành chính quản trị; thư viện; sân chơi bãi tập và các hạng mục phụ trợ khác	Sở Giáo dục và Đào tạo	C	Phường Đăk Bla	2026-2027	11,000	-	11,000	11,000	10,000	
24	Trường THPT Chuyên Nguyễn Tất Thành;hạng mục:Xây mới 12 phòng học bồi dưỡng đội tuyển học sinh giỏi quốc gia; nâng cấp nhà đa năng + bể bơi và các hạng mục phụ trợ khác	Sở Giáo dục và Đào tạo	C	Phường Kon Tum	2026-2028	10,000	-	10,000	10,000	10,000	
25	Trường THPT Trần Quốc Tuấn;hạng mục:Xây mới thay thế 24 phòng học; 4 phòng bộ môn; sân chơi bãi tập và các hạng mục phụ trợ khác	Sở Giáo dục và Đào tạo	C	Xã Đăk Hà	2026-2028	23,900	-	23,900	23,900	21,000	
26	Trường THPT Nguyễn Văn Cừ; hạng mục:Xây mới nhà đa năng; 4 phòng bộ môn; sân chơi bãi tập và các hạng mục phụ trợ khác	Sở Giáo dục và Đào tạo	C	Xã Đăk Tô	2027-2028	12,600	-	12,600	12,600	12,000	
27	Trường THPT Quang Trung; hạng mục:Xây mới nhà đa năng; 4 phòng bộ môn; sân chơi bãi tập và các hạng mục phụ trợ khác	Sở Giáo dục và Đào tạo	C	Xã Sa Thầy	2027-2028	12,500	-	12,500	12,500	12,000	
28	Trường THPT Ngô Mây; hạng mục: Xây mới 12 phòng học; thư viện; nâng cấp cổng tường rào và các hạng mục phụ trợ khác	Sở Giáo dục và Đào tạo	C	Phường Đăk Cẩm	2028-2029	12,200	-	12,200	12,200	12,000	
29	Trường MN THSP Kon Tum; hạng mục: Xây dựng 01 nhà ăn + nhà bếp và sân chơi bãi tập cho học sinh	Sở Giáo dục và Đào tạo	C	Phường Kon Tum	2026-2027	6,500	-	6,500	6,500	6,500	
30	Trường THPT Trường Chinh; hạng mục:Xây mới nhà đa năng; thư viện; 4 phòng bộ môn và các hạng mục phụ trợ khác	Sở Giáo dục và Đào tạo	C	Phường Kon Tum	2027-2028	12,600	-	12,600	12,600	12,000	

TT	TÊN DỰ ÁN	Đơn vị đề xuất	Nhóm dự án (Luật sửa đổi)	Địa điểm xây dựng	Dự kiến thời gian thực hiện	Khái toán tổng mức đầu tư			Nhu cầu NSDP giai đoạn 2026 - 2030	Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn 2026-2030	Ghi chú
						Tổng mức đầu tư	Trong đó				
							NSTW	NS tỉnh			
31	Trường THPT Phan Bội Châu; hạng mục: Xây mới nhà đa năng; sân chơi bãi tập; nâng cấp cổng tường rào và các hạng mục phụ trợ khác	Sở Giáo dục và Đào tạo	C	Xã Ia chim,	2027-2028	7,200	-	7,200	7,200	7,000	
32	Trường THPT Chu Văn An; hạng mục: Xây mới nhà đa năng; sân chơi bãi tập và các hạng mục phụ trợ khác	Sở Giáo dục và Đào tạo	C	Xã Kon Briaiah	2027-2028	7,800	-	7,800	7,800	7,500	
33	Trường THPT Võ Nguyên Giáp - Xây dựng khối thư viện, Khối nhà lớp học và các hạng mục phụ trợ	Sở Giáo dục và Đào tạo; BQLDA ĐTXD các công trình DD&CN	C	Phường Trương Quang Trọng	2026-2028	25,000		25,000	22,500	22,000	
34	Trường THPT Trần Quang Diệu - Hạng mục nhà lớp học 12 phòng, nhà Bộ môn+thư viện; bể bơi, sân bóng đá và các hạng mục phụ trợ	Sở Giáo dục và Đào tạo; BQLDA ĐTXD các công trình DD&CN	C	Xã Lân Phong	2026-2028	25,000		25,000	22,500	22,000	
35	Trường THPT Huỳnh Thúc Kháng - Nhà tập đa năng và các hạng mục phụ trợ	Sở Giáo dục và Đào tạo; BQLDA ĐTXD các công trình DD&CN	C	Phường Trương Quang Trọng	2026-2028	14,000		14,000	12,600	12,000	
36	Trường THPT số 2 Tư Nghĩa - Xây dựng Hội trường, khu thể chất và các hạng mục phụ trợ	Sở Giáo dục và Đào tạo; BQLDA ĐTXD các công trình DD&CN	C	Xã Nghĩa Giang	2026-2028	20,000		20,000	18,000	18,000	
37	Trường THPT số 1 Nghĩa Hành -Hạng mục nhà hiệu bộ, bể bơi và các hạng mục phụ trợ	Sở Giáo dục và Đào tạo; BQLDA ĐTXD các công trình DD&CN	C	Xã Nghĩa Hành	2026-2028	14,500		14,500	13,050	13,000	
38	Trường THPT số 2 Mộ Đức - Xây dựng Hội trường, nhà lớp học 8 phòng, khu giáo thể chất và các hạng mục phụ trợ	Sở Giáo dục và Đào tạo; BQLDA ĐTXD các công trình DD&CN	C	Xã Long Phụng	2026-2028	25,000		25,000	22,500	22,500	

TT	TÊN DỰ ÁN	Đơn vị đề xuất	Nhóm dự án (Luật sửa đổi)	Địa điểm xây dựng	Dự kiến thời gian thực hiện	Khái toán tổng mức đầu tư			Nhu cầu NSDP giai đoạn 2026 - 2030	Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn 2026-2030	Ghi chú
						Tổng mức đầu tư	Trong đó				
							NSTW	NS tỉnh			
39	Trường THPT Sơn Hà- Xây dựng dãy phòng học, phòng học bộ môn; nhà hiệu bộ, khối phục vụ hoạt động chung và các hạng mục phụ trợ	Sở Giáo dục và Đào tạo; BQLDA ĐTXD các công trình DD&CN	C	Xã Sơn Hà	2026-2028	28,000		28,000	25,200	25,000	
40	Trường THPT Trà Bồng	Sở Giáo dục và Đào tạo; BQLDA ĐTXD các công trình DD&CN	C	Xã Trà Bồng	2026-2028	14,000		14,000	12,600	12,000	
41	Trường THPT Ba Gia - Khối hoạt động chung, khối 6 phòng học 2 tầng và các hạng mục phụ trợ	Sở Giáo dục và Đào tạo; BQLDA ĐTXD các công trình DD&CN	C	Xã Ba Gia	2026-2028	18,000		18,000	16,200	16,000	
42	Trường THPT Trần Quốc Tuấn - Khối phòng học 4 tầng (24 phòng) và các hạng mục phụ trợ	Sở Giáo dục và Đào tạo; BQLDA ĐTXD các công trình DD&CN	C	Phường Cẩm Thành	2026-2028	20,000		20,000	20,000	20,000	
43	Trường THPT Đức Phổ 1 - Hạng mục Hội trường và các hạng mục phụ trợ	Sở Giáo dục và Đào tạo; BQLDA ĐTXD các công trình DD&CN	C	Xã Đức Phổ	2026-2028	20,000		20,000	18,000	18,000	
44	Trường THPT Đức Phổ 2 - Hạng mục nhà lớp học 10 phòng và các hạng mục phụ trợ	Sở Giáo dục và Đào tạo; BQLDA ĐTXD các công trình DD&CN	C	Xã Khánh Cường	2026-2028	20,000		20,000	18,000	18,000	
45	Trường THPT số 1 Tư Nghĩa- Hạng mục Nhà lớp học 20 phòng, nhà Bộ môn, Hội trường và các hạng mục phụ trợ	Sở Giáo dục và Đào tạo; BQLDA ĐTXD các công trình DD&CN	C	Xã Vệ Giang	2026-2028	27,000		27,000	24,300	24,000	

TT	TÊN DỰ ÁN	Đơn vị đề xuất	Nhóm dự án (Luật sửa đổi)	Địa điểm xây dựng	Dự kiến thời gian thực hiện	Khái toán tổng mức đầu tư			Nhu cầu NSDP giai đoạn 2026 - 2030	Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn 2026-2030	Ghi chú
						Tổng mức đầu tư	Trong đó				
							NSTW	NS tỉnh			
46	Trường THPT Phạm Văn Đồng -Hạng mục Khu giáo dục thể chất và các hạng mục phụ trợ	Sở Giáo dục và Đào tạo; BQLDA ĐTXD các công trình DD&CN	C	Xã Mộ Đức	2026-2028	14,500		14,500	13,050	13,000	
47	Trường THPT Nguyễn Công Trứ- Xây dựng nhà hiệu bộ, hội trường, nhà lớp học và các hạng mục phụ trợ	Sở Giáo dục và Đào tạo; BQLDA ĐTXD các công trình DD&CN	C	Xã Mộ Cày	2026-2028	28,000		28,000	25,200	25,000	
48	Trung tâm GDTX tỉnh- hạng mục Xây dựng khối phòng học, phòng học bộ môn, thư viện; khối hiệu bộ và các hạng mục phụ trợ	Sở Giáo dục và Đào tạo; BQLDA ĐTXD các công trình DD&CN	C	Phường Trương Quan Trọng	2026-2028	20,000		20,000	18,000	18,000	
49	Trung tâm hỗ trợ PTGDHN tỉnh - dãy phòng can thiệp và hỗ trợ GDHN	Sở Giáo dục và Đào tạo; BQLDA ĐTXD các công trình DD&CN	C	Phường Nghĩa Lộ	2026-2028	14,000		14,000	12,600	12,000	
50	Trường THPT Sơn Mỹ - XD bể bơi và các hạng mục phụ trợ	Sở Giáo dục và Đào tạo; BQLDA ĐTXD các công trình DD&CN	C	Xã Tịnh Khê	2026-2028	13,000		13,000	11,700	11,700	
51	Trường THPT Quang Trung- Xây dựng khối phòng học bộ môn, thư viện, khối hiệu bộ, nhà công vụ giáo viên, khu giáo dục thể chất và các hạng mục phụ trợ	Sở Giáo dục và Đào tạo; BQLDA ĐTXD các công trình DD&CN	C	Xã Sơn Hạ	2026-2028	28,000		28,000	25,200	25,000	
52	Trường THPT Tây Trà - hạng mục Khu giáo dục thể và các hạng mục phụ trợ	Sở Giáo dục và Đào tạo; BQLDA ĐTXD các công trình DD&CN	C	Xã Tây Trà	2026-2028	14,500		14,500	13,050	13,000	

TT	TÊN DỰ ÁN	Đơn vị đề xuất	Nhóm dự án (Luật sửa đổi)	Địa điểm xây dựng	Dự kiến thời gian thực hiện	Khái toán tổng mức đầu tư			Nhu cầu NSDP giai đoạn 2026 - 2030	Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn 2026-2030	Ghi chú
						Tổng mức đầu tư	Trong đó				
							NSTW	NS tỉnh			
53	Trường THPT số 2 Nghĩa Hành - Xây dựng khối hiệu bộ, khối phòng học, khối phòng học bộ môn và các hạng mục phụ trợ	Sở Giáo dục và Đào tạo; BQLDA ĐTXD các công trình DD&CN	C	Xã Thiện Tín	2028-2030	25,000		25,000	22,500	22,000	
54	Trường THPT Thu Xà - xây dựng Hội trường, Khu giáo dục thể chất và các hạng mục phụ trợ	Sở Giáo dục và Đào tạo; BQLDA ĐTXD các công trình DD&CN	C	Xã An Phú	2028-2030	14,000		14,000	12,600	12,000	
55	Trường THPT Lương Thế Vinh - Hạng mục Khu thể chất và các hạng mục phụ trợ	Sở Giáo dục và Đào tạo; BQLDA ĐTXD các công trình DD&CN	C	Xã Trà Câu	2028-2030	14,000		14,000	12,600	12,000	
56	Trường THPT Đinh Tiên Hoàng - nhà bộ môn, nhà ở giáo viên và các hạng mục phụ trợ	Sở Giáo dục và Đào tạo; BQLDA ĐTXD các công trình DD&CN	C	Xã Sơn Tây	2028-2030	14,500		14,500	13,050	13,000	
57	Trường THPT Vạn Tường	Sở Giáo dục và Đào tạo; BQLDA ĐTXD các công trình DD&CN	C	Xã Đông Sơn	2028-2030	14,000		14,000	12,600	12,000	
58	Trường Phổ thông DTNT THPT Tĩnh - Cải tạo ký túc xá C, hệ thống phòng cháy chữa cháy, nhà sinh hoạt cộng đồng, nhà đa năng	Sở Giáo dục và Đào tạo; BQLDA ĐTXD các công trình DD&CN	C	Phường Nghĩa Lộ	2026-2028	20,000		20,000	20,000	18,000	
59	Trường THPT Nguyễn Công Phương; Hạng mục: nhà lớp học, khu sân chơi, bãi tập và các hạng mục phụ trợ	Sở Giáo dục và Đào tạo; BQLDA ĐTXD các công trình DD&CN	C	Xã Nghĩa Hành	2026 - 2029	24,000		24,000	21,600	21,600	
e	Lĩnh vực văn hóa, Thể thao và Du lịch					140,000	-	140,000	140,000	130,000	

TT	TÊN DỰ ÁN	Đơn vị đề xuất	Nhóm dự án (Luật sửa đổi)	Địa điểm xây dựng	Dự kiến thời gian thực hiện	Khái toán tổng mức đầu tư			Nhu cầu NSDP giai đoạn 2026 - 2030	Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn 2026-2030	Ghi chú
						Tổng mức đầu tư	Trong đó				
							NSTW	NS tỉnh			
60	Tôn tạo di tích Quốc gia Đặc biệt Văn hóa Sa Huỳnh	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	C	Phường Sa Huỳnh	2027-2029	30,000		30,000	30,000	28,000	
61	Xây dựng mới khu nội trú, tập luyện (500 VĐV) 391A Nguyễn Công phượng, Phường Nghĩa Lộ;	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	C	Phường Nghĩa Lộ;	2026-2028	40,000		40,000	40,000	37,000	
62	Dự án Chuyển đổi số cho hệ thống thông tin cơ sở, thông tin đối ngoại tỉnh Quảng Ngãi	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	C	Toàn tỉnh	2026-2028	40,000		40,000	40,000	37,000	
63	Bảo quản, tu bổ phục hồi di tích Quốc gia đặc biệt Địa điểm về cuộc khởi nghĩa Ba Tơ	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	C	Tại các điểm di tích	2027-2029	30,000		30,000	30,000	28,000	
k	Lĩnh vực CCN, Khu công nghiệp và khu kinh tế					1,211,023	-	1,211,023	1,110,000	250,000	
64	Dự án Đầu tư xây dựng các Khu tái định cư trong đô thị Vạn Tường (Giai đoạn 1)	Ban Quản lý KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi	B	Xã Vạn Tường	2029-2032	650,000		650,000	600,000	170,000	
65	Nâng cấp Trạm kiểm soát liên hợp cửa khẩu quốc tế Bờ Y	Ban Quản lý KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi	C	Cửa khẩu Bờ Y	2029-2031	61,023		61,023	60,000	30,000	
66	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Quốc lộ 24C (đoạn từ ngã tư Bình Thuận đến cảng Dung Quất)	Ban Quản lý KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi	B	Xã Vạn Tường	2029-2032	500,000		500,000	450,000	50,000	
l	Quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội					2,766,556	1,327,300	1,439,256	1,639,256	1,026,971	
67	Đầu tư mở rộng Trung tâm chỉ huy Tỉnh Quảng Ngãi	Công an tỉnh	B	Tỉnh Quảng Ngãi	2026-2029	600,000	500,000	100,000	300,000	100,000	Đổi ứng vốn NSTW do Bộ Công an quản lý
68	Đầu tư Trung tâm cai nghiện trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi	Công an tỉnh	B	Tỉnh Quảng Ngãi	2026-2029	350,000	250,000	100,000	100,000	100,000	Đổi ứng vốn NSTW do Bộ Công an quản lý
69	Đầu tư xây dựng Trụ sở làm việc Phòng Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ (PCCC&CNCH) Công an tỉnh Quảng Ngãi	Công an tỉnh	B	Tỉnh Quảng Ngãi	2026-2029	250,000	125,000	125,000	125,000	75,000	Đổi ứng vốn NSTW do Bộ Công an quản lý

TT	TÊN DỰ ÁN	Đơn vị đề xuất	Nhóm dự án (Luật sửa đổi)	Địa điểm xây dựng	Dự kiến thời gian thực hiện	Khái toán tổng mức đầu tư			Nhu cầu NSDP giai đoạn 2026 - 2030	Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn 2026-2030	Ghi chú
						Tổng mức đầu tư	Trong đó				
							NSTW	NS tỉnh			
70	Di chuyển Bộ CHQS tỉnh Quảng Ngãi (Vị trí mới)	Bộ CHQS tỉnh Quảng Ngãi	B	Phường Nghĩa Lộ, tỉnh Quảng Ngãi	2026-2029	480,000	330,000	150,000	150,000	130,000	Đối ứng vốn NSTW do Bộ Quốc phòng quản lý
71	Khắc phục, sửa chữa Đường từ xã Sa Loong vào Đồn Biên phòng 701 và Đường vào Đồn Biên phòng 705	Bộ CHQS tỉnh Quảng Ngãi	B	Xã Sa Loong Xã Rờ Koi	2027-2030	210,000		210,000	210,000	200,000	
72	Xây dựng Trụ sở làm việc cho Công an xã trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi sau sáp nhập	Công an tỉnh	B	Tỉnh Quảng Ngãi	2026-2030	630,000		630,000	630,000	300,000	
73	Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất thuộc Đề án xây dựng, phát triển trung tâm giáo dục quốc phòng và an ninh Trường Đại học Phạm Văn Đồng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045	Trường ĐH Phạm Văn Đồng; BQLDA ĐTXD các công trình DD&CN tỉnh	B	Phường Cẩm Thành	2026-2029	139,271	122,300	16,971	16,971	16,971	Đối ứng vốn NSTW do Bộ QP quản lý
74	Rà phá bom mìn trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi	Bộ CHQS tỉnh Quảng Ngãi	B	Tỉnh Quảng Ngãi	2026-2031	107,285		107,285	107,285	105,000	
m	Công nghệ thông tin - Chuyển đổi số					250,000	-	250,000	250,000	168,000	
75	Xây dựng Trung tâm dữ liệu tỉnh Quảng Ngãi đạt chuẩn tối thiểu Tier 3 và Khu dịch vụ tập trung hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo tỉnh Quảng Ngãi	Sở Khoa học và Công nghệ	B	Tỉnh Quảng Ngãi	2028-2021	175,000		175,000	175,000	100,000	
76	Nâng cao năng lực hoạt động nghiên cứu ứng dụng của Trung tâm Ứng dụng khoa học công nghệ tỉnh Quảng Ngãi.	Sở Khoa học và Công nghệ	C	Xã Iachim, tỉnh Quảng Ngãi	2026 -2028	25,000		25,000	25,000	23,000	
77	Xây dựng Kho dữ liệu dùng chung và Hệ sinh thái dữ liệu mở trên cơ sở các Kho dữ liệu hiện có, Cổng dữ liệu mở phục vụ chuyển đổi số tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	C	Tại Trung tâm dữ liệu tỉnh; các cơ quan nhà nước cấp tỉnh, cấp xã.	2028-2030	50,000		50,000	50,000	45,000	
n	Phát thanh, truyền hình, thông tấn					96,000	-	96,000	96,000	89,000	

TT	TÊN DỰ ÁN	Đơn vị đề xuất	Nhóm dự án (Luật sửa đổi)	Địa điểm xây dựng	Dự kiến thời gian thực hiện	Khái toán tổng mức đầu tư			Nhu cầu NSDP giai đoạn 2026 - 2030	Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn 2026-2030	Ghi chú
						Tổng mức đầu tư	Trong đó				
							NSTW	NS tỉnh			
78	Đầu tư hệ thống quản lý theo mô hình tòa soạn số	Báo và Phát thanh, Truyền hình	C	Phường Nghĩa Lộ	2026 - 2028	16,000		16,000	16,000	15,000	
79	Đầu tư thiết bị phục vụ phim trường đa năng, thực tế ảo	Báo và Phát thanh, Truyền hình	C	Phường Nghĩa Lộ	2026 - 2028	30,000		30,000	30,000	28,000	
80	Đầu tư hệ thống thiết bị tiền kỳ, hậu kỳ cho sản xuất chương trình phát thanh, truyền hình	Báo và Phát thanh, Truyền hình	C	Phường Nghĩa Lộ	2027 - 2028	20,000		20,000	20,000	18,000	
81	Đầu tư hệ thống trang, thiết bị cho trường quay	Báo và Phát thanh, Truyền hình	C	Phường Nghĩa Lộ	2028 - 2029	30,000		30,000	30,000	28,000	
o	Lĩnh vực xã hội					110,000	90,000	20,000	18,000	18,000	
82	Dự án Trung tâm điều dưỡng người có công tỉnh Quảng Ngãi (Giai đoạn 2)	Sở Nội vụ	B	Xã Tịnh Khê, tỉnh Quảng Ngãi	2026-2028	110,000	90,000	20,000	18,000	18,000	Đối ứng vốn NSTW do Bộ Nội vụ quản lý